

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 29, Điều 149, Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 845/2020/TLST-HNGĐ ngày 20/10/2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Lê Văn S, sinh năm 1968; Địa chỉ: đường P, Phường N, Quận T, Thành phố H.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh X, sinh năm 1964; Địa chỉ: đường P, Phường N, Quận T, Thành phố H..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào nội dung Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự ngày 12 tháng 11 năm 2020, các yêu cầu của đương sự được ghi nhận như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn S và bà Nguyễn Thị Thanh X yêu nhau và đã đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32, Quyền số 01, ngày 05/4/1992 tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận T, Thành phố H;

Đến năm 2019, thì vợ chồng không còn hạnh phúc nữa. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên hai bên đã nộp đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông S và bà X khai có 02 (hai) con chung đã trưởng thành tên Lê Nguyễn Minh T, sinh ngày 24/9/1998 và tên Lê Thị Xuân T, sinh ngày 13/3/1993 đăng ký khai sinh tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận T, Thành phố H, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét;

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét;

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, ông S và bà X mỗi người chịu 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng, nhưng

bà X tự nguyện chịu toàn bộ và được ông S đồng ý, nên Tòa án ghi nhận thỏa thuận của các đương sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Các đương sự không có thay đổi ý kiến về các vấn đề được ghi nhận nêu trên, nên có cơ sở để Tòa án chấp nhận yêu cầu của đương sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Ông Lê Văn S và bà Nguyễn Thị Thanh X thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 32, Quyền số 01, ngày 05/4/1992 tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận T, Thành phố H).

- Về con chung: Đương sự khai có 02 (hai) con chung đã trưởng thành tên Lê Nguyễn Minh T, sinh ngày 24/9/1998 và tên Lê Thị Xuân T, sinh ngày 13/3/1993 đăng ký khai sinh tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận T, Thành phố H, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, bà X tự nguyện chịu toàn bộ nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0044380, ngày 13/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Bà X đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Ủy ban nhân dân Phường 4, Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Thành Trung